

THÔNG BÁO

Về việc đăng ký học phần và đóng học phí Học kỳ 2 Năm học 2025-2026 Dành cho sinh viên đại học chính qui - mã học kỳ: 2533

1. Quy định chung

1.1 Sinh viên chỉ đăng ký học phần (ĐKHP) online theo kế hoạch học tập cá nhân đã điều chỉnh và được Cố vấn học tập ngành duyệt.

1.2 Sinh viên khóa 2023, 2024, 2025 học theo thời khóa biểu cố định của Trường, chỉ ĐKHP online các học phần Giáo dục thể chất, tự chọn tự do, học cải thiện và học lại.

1.3 Đóng học phí và hoàn phí

1.3.1. Thông tin đóng học phí

a) Sinh viên có thể xem hoặc tra cứu học phí tại App Hoa Sen, mục Học phí hoặc xem chi tiết học phí tương ứng từng học phần ở Phiếu kết quả ĐKHP xuất từ httsv, trên giao diện phiếu có mã QR dùng để thanh toán học phí.

b) Hình thức đóng: thanh toán chuyển khoản hoặc đóng bằng tiền mặt qua 1 trong 2 ngân hàng với thông tin sau:

❖ Ngân hàng Thương Mại Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

- Tên tài khoản: TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN
- Số tài khoản: **130 307 2458**
- Chi nhánh: BIDV chi nhánh Sở giao dịch 2

❖ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank –MSB)

- Tên tài khoản: TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN
- Số tài khoản: **040 0101 009 1963**
- Chi nhánh: MSB chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Cú pháp chuyển khoản: MSSV [...], họ tên sinh viên, mã kỳ 2533

Lưu ý: SV không đóng học phí bằng tiền mặt tại P. Tài chính Kế toán

1.3.2. Thông tin hoàn học phí:

a) Sinh viên chưa hoàn tất ĐỦ học phí theo mốc thời gian quy định sẽ bị hủy toàn bộ học phần đã đăng ký. Trường hợp sinh viên đóng trễ hơn mốc thời gian đã quy định, học phí sẽ kết chuyển HK kế tiếp;

b) Trường không áp dụng chính sách đóng học phí theo nhiều đợt trong Học kỳ 2 năm học 2025-2026;

c) Sinh viên nộp đơn xin hủy học phần với lý do bất khả kháng phải kèm theo minh chứng, được xem xét hủy học phần và xử lý học phí như sau:

- Được bảo lưu 100% học phí nếu nộp đơn kèm đầy đủ minh chứng phù hợp trước ngày bắt đầu học kỳ ít nhất 07 ngày (Ví dụ: ngày 16/03/2026 bắt đầu HK, sinh viên cần nộp đơn trước ngày 09/03/2026 để được xem xét bảo lưu 100% học phí);

- Được bảo lưu 60% học phí nếu nộp đơn kèm theo đầy đủ minh chứng phù hợp trong vòng 07 ngày trước khi học kỳ bắt đầu (Ví dụ: sinh viên nộp đơn từ ngày 09/03/2026 đến trước ngày 16/03/2026 thì bảo lưu 60%);

- Trường không giải quyết đề nghị học phí kể cả trong trường hợp sinh viên nộp đơn kèm đầy đủ minh chứng phù hợp tính từ ngày đầu tiên của học kỳ.

2. Mốc thời gian xem thời khóa biểu cố định.

Đối tượng sinh viên

- Khóa 2023, 2024, 2025 (trừ SV diện tự đăng ký)

- Khóa 2022 các ngành: Thiết kế Thời trang, Thiết kế Đồ họa, Thiết kế Nội thất, Nghệ thuật số

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
Từ 14h00 ngày 19/01/2026	Xem thời khóa biểu	Htttsv.hoasen.edu.vn
Từ 14h00 ngày 19/01/2026 đến ngày 03/02/2026	Đóng học phí đợt chính	Theo mục 1.3.1
Ngày 06/02/2026	Hủy thời khóa biểu nếu SV chưa hoàn tất học phí	Thông báo qua email SV

3. Mốc thời gian đăng ký học phần đợt chính

Đối tượng sinh viên tự đăng ký học phần

- Khóa 2018, 2019 đã có Quyết định gia hạn thời gian học tập

- Khóa 2020, 2021, 2022 tất cả sinh viên chưa hoàn tất yêu cầu đào tạo

- Khóa 2023, 2024, 2025 - diện tự đăng ký học phần (được xét miễn học phần)

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
Từ ngày 07/01/2026 đến ngày 10/01/2026	Điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân đợt bổ sung cho HK 2	Htttsv.hoasen.edu.vn
Từ ngày 07/01/2026 đến ngày 13/01/2026	Duyệt kế hoạch học tập cá nhân từ Cố vấn học tập	Htttsv.hoasen.edu.vn
Từ 10h00 ngày 20/01/2026 đến 10h00 ngày 23/01/2026	Đăng ký học phần	Tất cả các khóa
Từ 13h30 ngày 23/01/2026 đến 10h00 ngày 27/01/2026	Điều chỉnh kế hoạch học tập và tiếp tục đăng ký học phần	

Từ 08h30 ngày 28/01/2026 đến 16h00 ngày 30/01/2026	Đăng ký trực tiếp học phần Giáo dục thể chất	Theo thông báo từ Trung tâm thể thao Hoa sen
Từ ngày 20/01/2026 đến ngày 03/02/2026	Đóng học phí đợt chính	Theo mục 1.3.1
Ngày 06/02/2026	Hủy kết quả đăng ký học phần nếu SV chưa hoàn tất học phí	Thông báo qua email SV

4. Mốc thời gian đăng ký học phần đợt bổ sung (áp dụng cho tất cả đối tượng sinh viên)

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
Từ ngày 23/02/2026 đến ngày 28/02/2026	Điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân cho ĐKHP bổ sung	Htttsv.hoasen.edu.vn
Từ ngày 23/02/2026 đến ngày 28/02/2026	Duyệt kế hoạch học tập cá nhân từ Cố vấn học tập	
Từ 09h30 ngày 25/02/2026 đến 16h00 ngày 28/02/2026	Đăng ký học phần bổ sung đối Học phần tự chọn tự do, Học lại/cải thiện	Khóa 2023, 2024
Từ 13h30 ngày 25/02/2026 đến 16h00 ngày 28/02/2026	Đăng ký học phần bổ sung lớp còn khả năng tiếp nhận.	Tất cả các khóa
Từ ngày 25/02/2026 đến ngày 04/03/2026	Đóng học phí học phần bổ sung	Theo mục 1.3.1
Ngày 01/03/2026	Xử lý chuyển dữ liệu ĐKHP bổ sung vào đợt chính	SV không xem thời khóa biểu và không đóng học phí
Ngày 06/03/2026	Hủy kết quả ĐKHP bổ sung nếu SV chưa hoàn tất học phí	Thông báo qua email SV
Ngày 09/03/2026	Công bố lớp học phần và danh sách SV bị hủy do sĩ số nhỏ	Thông báo qua email SV
Ngày 09/03/2026	Sinh viên xem lại TKB đi học	Htttsv.hoasen.edu.vn
Ngày 16/03/2026	Ngày bắt đầu học	

5. Thông tin liên hệ

5.1. Về học phí

a) Email: hocphi@hoasen.edu.vn;

b) Điện thoại: (028) 73091991, Ext: 4635, 4636 hoặc 4675 trong giờ hành chính: Buổi sáng từ 8h00 đến 12h00 và buổi chiều từ 13h00 đến 17h00, các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu;

c) Trực tiếp: Phòng Tài chính - Kế toán (P.101 - Trụ sở chính Nguyễn Văn Tráng, số 8 Nguyễn Văn Tráng, phường Bến Thành, TP.Hồ Chí Minh).

5.2. Về đăng ký học phần

a) Link hỗ trợ online: <https://meet.google.com/yxv-pxja-gyr>

b) Email: dkmh@hoasen.edu.vn;

c) Điện thoại: (028) 73091991, Ext: 4845 hoặc 4848 hoặc 4844 trong thời gian ĐKHP;

d) Trực tiếp Bộ phận hỗ trợ ĐKHP:

- P.003 Cơ sở Quang Trung 2, lô 10 CVPM Quang Trung, phường Trung Mỹ Tây, TP.HCM.

- P.103 Trụ sở chính Nguyễn Văn Tráng, số 8 Nguyễn Văn Tráng, phường Bến Thành, TP.HCM.

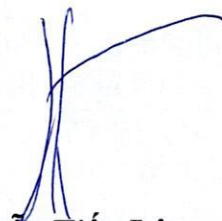
- P.101 Cơ sở Thành Thái, 7/1 Thành Thái, phường Diên Hồng, TP.HCM.

Lưu ý: Trong thời gian đăng ký học phần online, bộ phận Kế hoạch - P.ĐTĐH hỗ trợ từ thứ 2 đến thứ 7./.

Nơi nhận:

- SV (để th/h);
- TT. TNSV&QHDN, các khoa, CVHT, các phòng ban (để ph/h);
- Thông báo (httsv, email SV);
- Lưu: P. ĐTĐH.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Tiến Lập

DANH SÁCH HỌC PHẦN DỰ KIẾN MỞ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026 (MÃ HK 2533)

(Đính kèm thông báo số 112/TB-ĐTĐH ngày 06 tháng 01 năm 2026)

Lưu ý: SV xem kỹ mã Học phần (HP) theo đúng yêu cầu đào tạo từng khóa để chọn đúng Mã số Học phần (Cột B_tô Vàng).

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Tổng tiết	P. LT	P. TH	Đi thực địa	Hướng dẫn/ Bài tập	Học phần học trước	Ghi chú
1	AI203DV01	Tối ưu hoá	3	60	30	30			AI104D_Lập trình cơ bản	
2	AI205DE01	Artificial Intelligence	3	60	30	30			AI104D_Lập trình cơ bản; EIC5/EII4	
3	AI303DE01	Advanced AI Methods and Tools	3	60	30	30			AI205D_Trí tuệ nhân tạo; EIC5/EII4	
4	AI305DV01	Học sâu	3	60	30	30			AI301D_Máy học	
5	AI306DE01	Data analytics	3	60	30	30			EIC5/EII4; AI208D_Phân tích và tối ưu hoá số	
6	AI407DV01	Người máy và thị giác máy tính	3	60	30	30			AI301D_Máy học	
7	AI408DV01	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	60	30	30			AI301D_Máy học	
8	AI450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
9	AI451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
10	ANH117DE02	English Reading and Writing 2	3	60	60	0			ANH116DE_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 1	
11	ANH203DE03	English Listening and Speaking 3	3	45	45	0			ANH102DE_Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Anh 2	
12	ANH210DE03	English Public Speaking	3	45	45	0			ANH102DE_Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Anh 2	
13	ANH211DE04	Educational Psychology	3	45	45	0			ANH223DE_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3, hoặc	
14	ANH225DE02	Introduction to Corporate Communication	3	45	45	0			ANH218DE_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3, hoặc	
15	ANH228DE01	English for Business Studies	3	60	60	0			ANH223DE_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3 hoặc ANH218DE_Kỹ năng	
16	ANH303DE03	English Syntax and Morphology	3	60	60	0			Đọc - Viết luận tiếng Anh	
17	ANH308DE04	Introduction to Translation and Interpreting	3	60	60	0			Anh căn bản, hoặc	
18	ANH322DE01	English for Effective Business Writing	3	60	60	0			ANH203D_Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Anh 3; ANH223D_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3	
19	ANH324DE01	Advanced English for Business	3	60	60	0			ANH223DE_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3	
20	ANH325DE02	Fundamentals of Marketing and Sales	3	60	60	0			ANH228DE_Anh văn kinh doanh	
21	ANH332DE02	Introduction to Language Teaching & Learning	3	45	45	0			ANH228DE_Anh văn kinh doanh	
22	ANH403DE01	Practice in Business Translation	3	60	60	0			ANH223DE02_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3	
23	ANH405DE04	Teaching English to Children	3	60	60	0			ANH308DE_Nhập môn Biên phiên dịch	
24	ANH406DE03	English Lesson Planning and Materials Development	3	45	45	0			ANH211DE_Tâm lý sư phạm hoặc ANH352_Nhập môn Giảng dạy tiếng Anh (CTSR)	
25	ANH408DE05	American Literature	3	60	60	0			Techniques or ANH333DE01_Teaching English Language Construction or - ANH218DE05_Kỹ năng Đọc-Viết luận tiếng Anh; ANH223D_Kỹ	
26	ANH450DE03	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0			năng Đọc và Viết tiếng Anh 3	
27	ANH451DE03	Graduation Paper	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
28	ANH452DE03	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
29	ANH453DE03	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
30	ANH454DE03	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	

31	ANH455DE03	Graduation Paper	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
32	ANH456DE03	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
33	ANH457DE03	Graduation Paper	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
34	ANH458DE03	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
35	ANH459DE03	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
36	ART102DV02	Cơ sở tạo hình 1	3	60	0	60			-	
37	ART103DV02	Tạo hình ứng dụng	3	60	0	60			ART102D_Cơ sở tạo hình	
38	ART105DV01	Nhiếp ảnh kỹ thuật số	3	45	0	45			-	
39	ART109DV01	Lịch sử Mỹ thuật (Thế giới + Việt Nam)	3	60	60	0			-	
40	ART202DV02	Đồ họa ứng dụng	3	60	0	60			ART207D_Kỹ thuật phác họa và phối cảnh	
41	ART205DV01	Nhiếp ảnh 2(nâng cao)	3	45	0	45			ART105D_Nhiếp ảnh KTS	
42	ART206DV01	Triết lý thiết kế	3	45	45	0			-	
43	AV202EL02	English for Communicative Skills 2	5	105	105	0			-	
44	BA101DE01	Microeconomics	3	45	45	0			- EIC5/EII4	
45	BA101DV01	Kinh tế vi mô	3	45	45	0			-	
46	BA102DE01	Macroeconomics	3	45	45	0			BA101D_Kinh tế vi mô; EIC5/EII4	
47	BA102DV01	Kinh tế vĩ mô	3	45	45	0			BA101D_Kinh tế vi mô	
48	BA103DV01	Đạo đức kinh doanh	3	45	45	0			-	
49	BA104DE01	Introduction to Management	3	45	45	0			- EIC5/EII4	
50	BA105DV01	Luật và đạo đức trong kinh doanh	3	45	45	0			-	
51	BA201DE01	Negotiation Skills	3	45	45	0			- EIC5/EII4	
52	BA201DV01	Kỹ thuật thương lượng	3	45	45	0			-	
53	BA204DV01	Quản trị sự thay đổi	3	45	45	0			BA104D_Quản trị học	
54	BA205DV01	Khởi nghiệp	3	45	45	0			0	
55	BA206DE01	Organizational Behaviour	3	45	45	0			EIC5/EII4; BA108D_Quản trị học và Đạo đức kinh doanh	
56	BA206DV01	Hành vi tổ chức	3	45	45	0			BA104D_Quản trị học	
57	BA303DV01	Quản trị dự án	3	45	45	0			BA104D_Quản trị học	
58	BA304DV01	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3	45	45	0			GS105D_Xác suất thống kê hoặc GS109D_Thống kê trong kinh doanh	
59	BA308DV01	Nghệ thuật lãnh đạo	3	45	45	0			-	
60	BA309DV01	ERP trong kinh doanh	3	45	45	0			-	
61	BA310DV01	Quản trị chất lượng và rủi ro	6	75	75	0			-	
62	BA401DE01	Supply Chain Management	3	45	45	0			EIC5/EII4	
63	BA401DV01	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0				
64	BA402DV01	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	6	75	72	0	3		-	
65	BA450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
66	BA451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
67	BLAW302DV02	Luật Ngân hàng	3	45	45	0			-	
68	BLAW309DE02	Laws on E-commerce	3	45	45	0			LAW113D_Pháp luật về hàng hóa và dịch vụ;' EIC5/EII4	
69	BLAW310DE02	Laws on Cybersecurity and Data Privacy	3	45	45	0			LAW101D_Lý luận nhà nước và pháp luật;' EIC5/EII4	
70	BLAW311DV01	Pháp luật về Ngân hàng và chứng khoán	3	45	45	0			-	
71	BLAW450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
72	BLAW451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
73	CL102DV01	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 2	3	60	60	0			CL101D_Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 1	
74	CL104DV01	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 2	3	60	60	0			CL103D_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 1	

75	CL202DV01	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 4	3	60	60	0		CL201D_Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 3	
76	CL204DV01	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 4	3	60	60	0		CL203D_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 3	
77	CL207DV01	Văn tự tiếng Trung Quốc	3	45	45	0		-	
78	CL208DV01	Trải nghiệm văn hóa Trung Hoa	3	60	60	0		-	
79	CL301DV01	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc	3	45	45	0		-	
80	CN101DV01	Kiến trúc và dịch vụ đám mây cơ bản	3	60	30	30		-	
81	CN104DV01	Hệ thống máy tính	3	60	30	30		-	
82	CN203DV01	Lý thuyết hệ điều hành	3	60	30	30		-	
83	DA204DE02	Calligraphy	3	60	60	0		- EIC5/EII4	
84	DA302DE01	Packaging Design	3	75	0	75		ART105D_Nhiếp ảnh kỹ thuật số; EIC5/EII4	
85	DA304DE01	Film Editing	3	60	0	60		EIC5/EII4	
86	DA310DE01	3D Sculpture - ZBrush	3	60	0	60		- EIC5/EII4	
87	DA311DV01	Tạo hình nhân vật-sinh vật	6	75	0	75		-	
88	DA312DV01	Thiết kế ý niệm Game	6	75	0	75		-	
89	DA402DV01	Mình họa truyện tranh	3	60	30	30		-	
90	DA450DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
91	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	3	45	45	0		-	
92	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30	30	0		-	
93	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	27	0	3	DC140D_Triết học Mác-Lênin DC141D_Kinh tế chính trị Mác-Lênin	
94	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	27	0	3	DC141D_Kinh tế chính trị Mác-Lênin	
95	DC144DV01	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	27	0	3	DC141D_Kinh tế chính trị Mác-Lênin DC142D_Chủ nghĩa xã hội khoa học	
96	DM302DE02	Digital Marketing Strategy	3	45	45	0		- EIC5/EII4	
97	DM304DE01	Introduction to Digital Marketing	3	45	45	0		MK203D_Marketing căn bản; EIC5/EII4	
98	DM305DE02	Digital Content Creation	3	45	45	0		MK203D_Marketing căn bản; EIC5/EII4	
99	DM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
100	DM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
101	EC201DE01	E-commerce	3	45	45	0		- EIC5/EII4	
102	EC314DE01	Design Call-to-Action Contents	3	45	45	0		EC201D_Thương mại điện tử; - EIC5/EII4	
103	EC401DE01	Advanced E-Commerce	3	45	45	0		EC201D_Thương mại điện tử ; EIC6/EII5	
104	EC402DV01	Kinh doanh game không cần lập	6	75	75	0		-	
105	EC450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
106	EC451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
107	EM208DV01	Nhập môn quản trị sự kiện	3	45	45	0		TO101D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
108	EM302DE01	Risk Management and Visitor Safety	3	45	42	0	3	EM208D/EM314D_Nhập môn Quản trị sự kiện; EIC5/EII4	
109	EM306DE01	Copywriting in Events	3	45	42	0	3	EM314D_Nhập môn Quản trị sự kiện EM205D_PP viết đề án trong tổ chức SK- EIC5/EII4	
110	EM309DE01	Operation & Measurement of Sport Event	3	45	42	0	3	EIC5/EII4/EM314DV01_Nhập môn quản trị sự kiện	
111	EM315DE01	M.I.C.E Management	3	45	36	0	9	EM314D_Nhập môn Quản trị Sự kiện hoặc EM102D_Nguyên lý Quản trị Sự kiện- EIC5/EII4	
112	EM407DV01	Thiết kế sân khấu, sản xuất và thi công trong ngành sự kiện	6	75	60	15		-	
113	FM206DE01	Introduction to Image and Sound	3	75	51	24		TT106D_Cầm thụ nghệ thuật nghe nhìn ; FM101D_Điện ảnh đại cương, hoặc TT106D_Cầm thụ nghệ thuật nghe nhìn - EIC5/EII4	
114	FM308DV01	Sản xuất phim truyện	3	75	0	60	15	TT207D_Kỹ thuật Audio-Video	
115	FT301DV01	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công nghệ tài chính	3	45	45	0		TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
116	FT308DV01	Quản lý dự liệu tài chính và Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Fintech	6	75	75	0		-	
117	GD101DV01	Tin học chuyên ngành I	3	45	0	45		0	
118	GD102DV01	Nghệ thuật chữ I (căn bản)	3	45	0	45		-	

119	GD201DV01	Tin học chuyên ngành 2	3	45	0	45			GD101D_Tin học chuyên ngành 1	
120	GD202DV01	Tin học chuyên ngành 3	3	45	0	45			GD201D_Tin học chuyên ngành 2	
121	GD210DV01	Kỹ thuật phác họa	3	60	0	60			ART201DV01_Hình họa 2	
122	GD211DV01	Kỹ thuật minh họa	3	60	0	60			GD210DV01_Kỹ thuật phác họa	
123	GD305DE01	Brand Identity Design	3	60	0	60			ART202D_Cơ sở tạo hình đồ họa; EIC5/EII4	
124	GD307DE01	Motion Graphic	3	60	0	60			- EIC5/EII4	
125	GD307DV01	Đồ họa động	3	60	0	60			0	
126	GD309DV01	Kỹ thuật minh họa số	3	60	0	60			GD211DV01_Kỹ thuật minh họa	
127	GD312DV01	Thiết kế UI - UX	6	75	0	75			-	
128	GD450DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	0	0			- GD401DE01_Đề án 2: Khởi nghiệp thiết kế/GD402D_Đồ họa truyền thông	
129	GE006DV01	Tiếng Anh hội nhập quốc tế 3	0	135	135	0			GE002DV01/GE005DV01_Tiếng Anh hội nhập quốc tế 2	
130	GE106DV01	Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4	5	135	135	0			GE003DV01/GE006DV01_Tiếng Anh hội nhập quốc tế 3	
131	GE107DV01	Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5	5	135	135	0			GE101DV01/GE106DV01_Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4	
132	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	3	45	45	0			-	
133	GLAW202DV02	Luật thương mại và kinh doanh quốc tế	3	45	45	0			-	
134	GS102DV01	Toán rời rạc	3	45	45	0			-	
135	GS109DV02	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0			-	
136	GS110DV01	Xác suất thống kê cho kỹ sư	3	45	45	0			-	
137	HAN101DV01	Tiếng Hàn 1	4	90	90	0			-	
138	HAN102DV01	Tiếng Hàn 2	4	90	90	0			HAN101D_Tiếng Hàn 1	
139	HAN103DV01	Tiếng Hàn 3	4	90	90	0			HAN102D_Tiếng Hàn 2	
140	HAN201DV03	Tiếng Hàn 4	4	90	90	0			HAN103D_Tiếng Hàn 3	
141	HM102EL01	Kinh tế học trong DL và KS-NH	3	45	45	0			-	
142	HM201DE01	Housekeeping Management	3	60	16	44			TO101D_Tổng quan DL và KS-NH; EIC5/EII4	
143	HM206EL01	Nguyên lý Marketing & Sales trong KS-NH	3	45	45	0			-	
144	HM302EL01	Customer Service in a Global Environment	3	45	45	0			-	
145	HM309EL01	Contemporary Issues in the Hospitality Industry	3	45	45	0			-	
146	HM313EL01	Room Division Management	3	45	45	0			-	
147	HM402EL01	Finance in Hospitality	3	45	45	0			-	
148	HM404EL01	Hotel Planning and Development	3	45	45	0			-	
149	HM410DV01	Quản lý và vận hành khách sạn	6	75	69	0	6		-	
150	HM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
151	HM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
152	HRM203DE01	Human Resource Management	3	45	45	0			BA104D_Quản trị học; EIC5/EII4	
153	HRM203DV01	Quản trị nhân sự	3	45	45	0			BA104D_Quản trị học	
154	HRM306DE01	Labor Relations	3	45	45	0			BA104D_Quản trị học; EIC5/EII4/BA108D_Quản trị học và đạo đức kinh doanh	
155	HRM310DE01	Recruitment and Selection	3	45	45	0			HRM203D_Quản trị nhân sự; EIC5/EII4	
156	HRM311DE01	Training and Development	3	45	45	0			BA104D_Quản trị học; EIC5/EII4/BA108D_Quản trị học và đạo đức kinh doanh	
157	HRM317DV01	Chính sách, thu tục và văn hóa trong quản trị nguồn nhân lực	6	75	75	0			-	
158	HRM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
159	HRM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
160	IB101DV01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	3	45	45	0			-	
161	IB201DE02	International Trade	3	45	45	0			- EIC5/EII4	
162	IB201DV02	Thương mại quốc tế	3	45	45	0			-	

163	IB301DE01	International Investment	3	45	45	0			IB101 Nhập môn Kinh doanh quốc tế; EIC5/EII4	
164	IB303DV01	Nhượng quyền kinh doanh	3	45	45	0			-	
165	IB305DV01	Nghiệp vụ ngoại thương	3	45	45	0			-	
166	IB306DE01	International Payment	3	45	36	0	9		- TC201DV02_Tai chính tiền tệ/IB101 Nhập môn Kinh doanh quốc tế; EIC5/EII4	
167	IB306DV01	Thanh toán quốc tế	3	45	45	0			IB101 Nhập môn Kinh doanh quốc tế	
168	IB310DV01	Chiến lược thâm nhập thị trường quốc tế	3	45	45	0			-	
169	IB311DV01	Luật và đàm phán kinh doanh quốc tế	6	75	75	0			-	
170	IB401DE01	International Business Management	3	45	45	0			- EIC6/EII5	
171	IB401DV01	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	45	45	0			-	
172	IB402DE01	Import-Export Management	3	45	45	0			- EIC6/EII5	
173	IB404DE01	Entry Strategy and Risk Management to International Market	3	45	45	0			IB101D_Nhập môn Kinh doanh quốc tế; - EIC6/EII5	
174	IB450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
175	IB451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
176	IT001DV01	Tin học dự bị	0	45	0	45			-	
177	IT202DV01	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	60	30	30			IT201D_Cơ sở dữ liệu	
178	IT204DV01	Thực hành công nghệ thông tin 2	1	30	0	30			IT102D_Thực hành công nghệ thông tin 1	
179	IT207DE01	Software Testing	3	60	30	30			SW103D_Lập trình hướng đối tượng (ĐH) hoặc TIN132C_Lập trình HĐT căn	
180	IT305DE01	Interaction Design	3	60	30	30			IT201D_Cơ sở dữ liệu;	
181	IT311DV02	Dữ liệu lớn	3	60	30	30			SW103D_Lập Trình Hướng đối tượng; EIC5/EII4	
182	IT315DV01	Cơ sở dữ liệu NoSQL	3	60	30	30			IT201D_Cơ sở dữ liệu; TIN209D&TIN132D	
183	IT317DV01	Phát triển ứng dụng Internet of Things	3	60	30	30			IT201D_Cơ sở dữ liệu	
184	IT450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0			AI105D_Cấu trúc dữ liệu và giải thuật với Python; SW102D_Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	
185	IT451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN.	
186	KL102DV01	Kỹ năng Nghe - Nói tiếng Hàn Quốc 2	3	60	60	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN.	
187	KL104DV01	Kỹ năng Đọc - Viết tiếng Hàn Quốc 2	3	60	60	0			KL101D_Kỹ năng Nghe - Nói tiếng Hàn Quốc 1	
188	KL206DV01	Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc	3	45	45	0			KL103D_Kỹ năng Đọc - Viết tiếng Hàn Quốc 1	
189	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0			-	
190	KT210DE02	Financial Accounting 1 (Intermediate Accounting 1)	3	60	60	0			-	
191	KT212DV02	Thuế	3	45	45	0			KT204D_Nguyên lý kế toán; EIC5/EII4	
192	KT301DV02	Kế toán quản trị chi phí	3	45	45	0			TC202D_Tai chính doanh nghiệp hoặc KT204D_Nguyên lý kế toán;	
193	KT307DV03	Phần mềm kế toán số	3	60	0	60			BA101D_Kinh tế vi mô	
194	KT322DV01	Quản trị hiệu quả hoạt động	6	75	75	0			KT204D_Nguyên lý kế toán	
195	KT415DV01	Kiểm toán	3	60	60	0			KT210DE_Kế toán tài chính 1	
196	KT450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0			-	
197	KT451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0			KT304D_Kế toán tài chính Việt Nam 2 hoặc KT308D_Kế toán tài chính 2	
198	LAW103DV01	Luật Hiến pháp	3	45	45	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
199	LAW105DV02	Luật hôn nhân và gia đình	3	45	45	0			LAW101D_Lý luận nhà nước và pháp luật	
200	LAW106DV01	Luật Đất đai - Môi trường	3	45	42	0	3		0	
201	LAW108DV01	Luật Thuế	3	45	45	0			0	
202	LAW109DV01	Luật Hình sự và Tổ tụng Hình sự	3	45	42	0	3		0	
203	LAW112DE01	Laws on Commercial Entities and Bankruptcy	3	45	45	0			- EIC5/EII4	
204	LAW113DV01	Pháp luật về Hàng hóa và dịch vụ	3	45	45	0			-	
205	LAW117DV01	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	30	0			-	
206	LAW202DV01	Pháp luật về Hợp đồng và Thương mại quốc tế	3	45	45	0			LAW101D_Nhập môn luật học	

207	LAW209DV02	Kỹ năng thực hành pháp luật	3	45	45	0			-	
208	LE103DV01	Giới và phát triển tại Việt Nam	3	45	45	0			-	
209	LE133DV01	Triết học nhân sinh	3	45	45	0			-	
210	LE202DV01	Tư duy phản biện	3	45	45	0			-	
211	LE202EL01	Introduction to Research Methods	3	0	0	0			-	
212	LE208DV01	Giao tiếp liên văn hoá	3	45	45	0			-	
213	LE212DV01	Tinh thần doanh chủ	3	45	45	0			-	
214	LG203DV01	Quản trị thu mua	3	45	45	0			BA104D_ Quản trị học/BA108D_ Quản trị học và Đạo đức kinh doanh	
215	LG205DE01	warehouse and inventory management (FIATA)	3	45	42	0	3		LG206D_ Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng (FIATA); EIC5/EII4	
216	LG206DV01	Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	45	45	0			BA108D_ Quản trị học và Đạo đức kinh doanh; BA104D_ Quản trị học	
217	LG301DE01	International Transportation & Insurance	3	45	36	0	9		- EIC5/EII4	
218	LG312DE01	Forwarding and customs declaration (FIATA)	3	45	39	3	3		LG305D_ Vận tải quốc tế, hoặc, IB305D_ Nghiệp vụ ngoại thương; EIC5/EII4	
219	LG313DE01	Multimodal transport (FIATA)	3	45	45	0			LG305D_ Vận tải quốc tế; EIC5/EII4	
220	LG319DE01	Logistics Services (FIATA)	3	45	45	0			LG206D_ Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
221	LG321DE01	Aviation Logistics (FIATA)	3	45	45	0			BA104D_ Quản trị học; EIC5/EII4	
222	LG450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
223	LG451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
224	MC101DV01	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	3	60	60	0			-	
225	MC201DE01	Social media and Content Creation for Social Media	3	60	60	0			EIC5/EII4	
226	MC302DV01	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3	75	75	0			-	
227	MIS102DV01	Nhập môn Hệ thống thông tin quản lý	3	45	0	45			-	
228	MIS203DV01	Thiết kế web và đồ họa	3	45	0	45			IT001D_ Tin học dự bị hoặc MIS101D_ Tin học đại cương	
229	MIS214DV01	Phân tích định lượng	3	45	45	0			-	
230	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	3	45	0	45			IT001D_ Tin học dự bị	
231	MIS216DV02	Tin học ứng dụng khối ngành Du lịch	3	45	0	45			IT001D_ Tin học dự bị	
232	MIS217DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Khoa học xã hội	3	45	0	45			IT001D_ Tin học dự bị	
233	MK202DV02	Hành vi khách hàng	3	45	42	0	3		MK203D_ Marketing căn bản hoặc PR203D_ Marketing Bất Động Sản	
234	MK203DV01	Marketing căn bản	3	45	45	0			-	
235	MK208DE01	Marketing Research	3	45	45	0			GS108D_ Nguyên lý thống kê hoặc GS109D_ Thống kê trong kinh doanh; EIC5/EII4	
236	MK307DE01	Product Management	3	45	45	0			MK203D_ Marketing căn bản; EIC5/EII4	
237	MK307DV01	Quản trị sản phẩm	3	45	45	0			MK203D_ Marketing căn bản	
238	MK308DV03	Quản trị truyền thông marketing tích hợp (IMC)	3	45	45	0			MK203D_ Marketing căn bản	
239	MK310DV01	Quản trị bán hàng	3	45	45	0			MK203D_ Marketing căn bản	
240	MK316DE01	Pricing Strategy	3	45	45	0	0		MK203D_ Marketing căn bản; EIC5/EII4	
241	MK327DV01	Chiến lược Marketing và bán hàng	6	75	75	0			-	
242	MK401DE02	Brand Management	3	45	45	0			MK203D_ Marketing căn bản; EIC6/EII5	
243	MK401DV02	Quản trị thương hiệu	3	45	45	0			MK203D_ Marketing căn bản	
244	MK412DV01	Quản trị bán hàng B2B	3	45	45	0			MK203D_ Marketing căn bản	
245	MK416DV01	Quản trị thương hiệu	6	75	75	0			-	
246	MK417DV01	Marketing trên nền tảng di động và mạng xã hội	6	75	75	0			-	
247	MK450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
248	MK451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
249	NHAT101DV02	Tiếng Nhật 1	4	90	90	0			-	
250	NHAT102DV03	Tiếng Nhật 2	4	90	90	0			NHAT101D_ Tiếng Nhật 1	

251	NHAT103DV03	Tiếng Nhật 3	4	90	90	0			NHAT102D_Tiếng Nhật 2	
252	NHAT201DV05	Tiếng Nhật 4	4	90	90	0			NHAT103D_Tiếng Nhật 3	
253	PE104DV01	Bóng đá	1	30	0	30			-	
254	PE105DV01	Bóng rổ	1	30	0	30			-	
255	PE107DV01	Karatedo	1	30	0	30			-	
256	PE109DV01	Cầu lông	1	30	0	30			-	
257	PE110DV01	Taekwondo	1	30	0	30			-	
258	PE114DV01	Kickboxing	1	30	0	30			-	
259	PE115DV01	Chạy dài Marathon	1	30	0	30			-	
260	PE119DV01	Muay	1	30	0	30			-	
261	PE120DV01	Thể hình	1	30	0	30			-	
262	PE121DV01	Khiêu vũ thể thao	1	30	0	30			-	
263	PE127DV01	Yoga	1	30	0	30			-	
264	PE129DV01	Bắn súng	1	30	0	30			-	
265	PE130DV01	Pickleball	1	30	0	30			-	
266	PHAP101DV02	Tiếng Pháp 1	4	90	90	0			-	
267	PHAP102DV02	Tiếng Pháp 2	4	90	90	0			PHAP101D_Tiếng Pháp 1	
268	PHAP103DV02	Tiếng Pháp 3	4	90	90	0			PHAP102D_Tiếng Pháp 2	
269	PHAP201DV04	Tiếng Pháp 4	4	90	90	0			PHAP103D_Tiếng Pháp 3	
270	PR101DV02	Viết bình luận và tranh luận	3	60	60	0			-	
271	PR201DE01	Business Fundamentals	3	45	45	0			TT104D_Tổng quan về truyền thông; '- EIC5/EII4	
272	PR202DE01	Introduction to Public Relations	3	45	45	0			TT109D_Truyền thông, văn hóa; TT104D_Tổng quan về TTNT hoặc MK203D_Marketing căn bản; EIC5/EII4	
273	PR202DV01	Nhập môn Quan hệ công chúng	3	45	45	0			TT104D_Tổng quan về TTNT hoặc MK203D_Marketing căn bản	
274	PR203DV01	Sản xuất tin tức & phóng sự	3	45	45	0			TT104D_Tổng quan về TTNT TT105D_Truyền thông và xã hội	
275	PR301DV01	Kỹ năng nói trước công chúng	3	45	45	0			TT104D_Tổng quan về TTNT	
276	PR311DV01	Lập kế hoạch & quản lý chương trình quan hệ công chúng	6	75	75	0			-	
277	PR401DE01	Corporate Communications	3	45	45	0			PR202D_Nhập môn Quan hệ công chúng MK203D_Marketing căn bản; EIC6/EII5	
278	PR402DV01	Quản lý khủng hoảng truyền thông	3	45	45	0			MK203DV/DE01_Marketing căn bản ; PR202D_Nhập môn Quan hệ công chúng, hoặc TT309D_Quản trị dự án truyền thông	
279	PR451DV02	Đồ án tốt nghiệp	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
280	PSY105DV01	Tâm lý học Phát triển	3	45	45	0			-	
281	PSY109DV02	Thống kê và Phân tích trong Tâm lý học	3	45	45	0			-	
282	PSY202DE02	Professional Practices in Psychology	3	45	45	0			EIC5/EII4	
283	PSY205DV01	Lý thuyết về Nhân cách	3	45	45	0			PSY102D_Tiến trình hình thành khoa học về tâm lý	
284	PSY207DV01	Tâm bệnh học II	3	45	45	0			PSY206D_Tâm bệnh học I	
285	PSY210DV01	Tâm lý học trong doanh nghiệp	3	45	45	0			-	
286	PSY306DE01	Health Psychology	3	45	45	0			- EIC5/EII4	
287	PSY309DE01	School Counseling	3	45	45	0			PSY204D_Kỹ năng tham vấn căn bản PSY105D_Tâm lý học Phát triển; EIC5/EII4	
288	PSY405DV01	Trị liệu nhận thức thiên định	3	45	42	0	3		PSY302D_Lý thuyết và kỹ thuật Tham vấn	
289	PSY408DV01	Trị liệu nhận thức hành vi	6	75	75	0			-	
290	PSY413DE01	Psychology of Behavior at Work	3	45	45	0			- PSY210D_Tâm lý học trong doanh nghiệp; - EIC6/EII5	

291	PSY450DV01	Thực tập nghề nghiệp	3	7 tuần	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
292	PSY451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
293	PSY452DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
294	PSY453DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
295	RM101DE01	Food & Beverage Service Operation	3	45	21	24		TO101D_ Tổng quan DL và KS-NH; EIC5/EII4
296	RM101EL01	Kỹ năng vận hành dịch vụ ẩm thực	3	45	21	24		-
297	RM202DV01	Chế biến món ăn	3	60	30	30		TO101D_ Tổng quan DL và KS-NH
298	RM402DE01	Restaurant Management	3	45	45	0		- TO101D_ Tổng quan DL và KS-NH ; - EIC6/EII5
299	RM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
300	RM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
301	SE201DV01	Nhập môn Kinh tế thể thao	3	45	42	0	3	-
302	SW102DV01	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	60	30	30		SW101D_ Nhập môn lập trình, hoặc TIN133D_ Nhập môn lập trình HĐH
303	SW103DV01	Lập Trình Hướng Đối Tượng	3	60	30	30		SW101D_ Nhập môn lập trình
304	SW210DE01	Software Engineering	3	45	45	0		SW103D_ Lập trình hướng đối tượng (ĐH) hoặc TIN132C_ Lập trình HDT căn bản (CĐ); EIC5/EII4
305	SW305DE01	Web Development	3	60	30	30		IT201D_ Cơ sở dữ liệu; SW103D_ Lập trình hướng đối tượng; EIC5/EII4
306	SW310DV01	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	60	30	30		IT206D_ Phân tích thiết kế hướng đối tượng; SW103D_ Lập trình hướng đối tượng
307	SW311DV01	Phát triển Web sử dụng Framework	3	60	30	30		SW305D_ Phát triển Web
308	SW314DV01	Phát triển ứng dụng Web trên nền tảng Java EE	3	60	30	30		SW307D_ Phát triển Web với Servlets & JSP
309	SW402DE01	Software Architecture	3	60	30	30		IT206D_ Phân tích thiết kế hướng đối tượng; EIC6/EII5
310	SW450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0		Theo quy định về KLTN/TTTN/ĐATN
311	SW451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0		Theo quy định về KLTN/TTTN/ĐATN
312	TC202DE01	Corporate Finance	3	45	45	0		- EIC5/EII4
313	TC202DV01	Tài chính doanh nghiệp	3	45	45	0		QT101DV01_ Kinh tế vi mô
314	TC203DE02	International Finance	3	45	45	0		- EIC5/EII4
315	TC302DV01	Phân tích báo cáo tài chính	3	45	45	0		-
316	TC303DE01	Portfolio Management	3	45	45	0		TC202D_ Tài chính doanh nghiệp ; TOAN355D_ Toán tài chính hoặc TC315D_ Nhập môn Toán tài chính Ngành TC và khác: TC202D_ Tài chính doanh nghiệp; EIC5/EII4
317	TC304DV02	Quản trị tài chính	3	45	45	0		TC202D_ Tài chính doanh nghiệp
318	TC306DE02	Risk management	3	45	45	0		TC202D_ Tài chính doanh nghiệp; EIC5/EII4
319	TC312DE01	Retail Banking Operations	3	45	45	0		- EIC5/EII4
320	TC319DE01	Behavioral Finance	3	45	45	0		- EIC5/EII4
321	TC324DV02	Phân tích dữ liệu tài chính doanh nghiệp	3	45	45	0		TC202D_ Tài chính doanh nghiệp
322	TC325DE01	Fundamentals of Fintech	3	45	45	0		TC202D_ Tài chính doanh nghiệp; EIC5/EII4
323	TC334DV01	Thị trường chứng khoán và Phái sinh	3	60	60	0		TC202D_ Tài chính doanh nghiệp
324	TC336DV01	Nhập môn về công nghệ tài chính và blockchain	3	60	60	0		TC202D_ Tài chính doanh nghiệp
325	TC337DV01	Quản trị tài chính doanh nghiệp	6	75	75	0		-
326	TC338DV01	Đầu tư và kinh doanh ngân hàng	6	75	75	0		-
327	TC430DV01	Tạo lập giá trị doanh nghiệp	3	45	45	0		TC202D_ Tài chính doanh nghiệp
328	TC431DV01	Các mô hình quản trị và đầu tư tài chính	6	75	0	75		-
329	TC432DV01	Nghịệp vụ ngân hàng thương mại	6	75	75	0		-
330	TC450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN

331	TC451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
332	TK112DV01	Phương pháp nghiên cứu và phát triển ý tưởng	3	45	45	0			-	
333	TK116DV01	Xử lý bề mặt vật liệu	3	60	0	60			-	
334	TK117DV01	Nền tảng thiết kế thời trang	3	75	75	0			TK112D_Phương pháp nghiên cứu và phát triển ý tưởng	
335	TK203DV04	Phương pháp phác thảo mẫu và trình bày bộ sưu tập	3	60	0	56	4		TK214DV_Vẽ kỹ thuật trang phục, TK112DV_Phương pháp nghiên cứu và phát triển ý tưởng, TK113DV_Nguyên lý thiết kế thời trang TK111DV_Vật liệu dệt may hoặc Xử lý bề mặt vật liệu	
336	TK209DV01	Văn hóa thời trang 2	3	60	60	0			TK104D_Văn hóa thời trang 1	
337	TK215DV01	Quản lý hồ sơ năng lực Thiết kế thời trang	3	45	30	0	15		TK115D_Photoshop, Illustrator, InDesign	
338	TK318DV02	Tiếp thị thời trang	3	60	56	0	4		0	
339	TK332DE01	Elective Fashion Design	3	60	0	60			- TK218D_Thiết kế bộ sưu tập thời trang; EIC5/EII4	
340	TK403DE01	Technology of Producing Fashion	3	45	0	42	3		TK327DV01 - Đề án 2; TK313D_Thiết kế trang phục nữ; TK320D_Đề án 2; EIC6/EII5	
341	TM103DV03	Kỹ thuật may căn bản	3	60	0	60			-	
342	TM205DV01	Kỹ thuật rập 2D	3	75	0	75			TM104D_Tạo mẫu căn bản	
343	TM404DV01	Kỹ thuật rập nâng cao	6	90	0	90			-	
344	TN102DV03	Tin học nội thất 1: Nhập môn và AutoCAD	3	60	0	60			-	
345	TN111DV02	Thiết kế bền vững	3	45	45	0			-	
346	TN115DV01	Công cụ số trong thiết kế Kiến trúc nội thất	3	90	0	90			-	
347	TN202DV01	Tin học nội thất 3 - (SketchUp)	3	60	0	60			TN102DV01_Tin học nội thất 1 - (Nhập môn & AutoCAD)	
348	TN208DV02	Cấu tạo Kiến trúc - nội thất	3	60	0	60			TN113D_Cơ sở thiết kế bản vẽ	
349	TN210DV02	Vật liệu và công nghệ xử lý trong nội thất	3	60	0	60			TN111D_Thiết kế bền vững	
350	TN303DE02	Design Studio : House Interior Design	3	60	0	60			TN207D_Nguyên lý thiết kế nội thất; EIC5/EII4	
351	TN402DE02	Design Studio : Hospitality Interior Design	3	60	0	60			TN207D_Nguyên lý thiết kế nội thất; EIC6/EII5	
352	TN403DE02	Design Studio : Cultural Interior Design	3	60	0	60			TN207D_Nguyên lý thiết kế nội thất; EIC6/EII5	
353	TN450DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	0	0			TN405D_Đồ án tiền tốt nghiệp Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
354	TO101DV02	Tổng quan DL-KS-NH và Sự kiện	3	45	45	0			-	
355	TO202DV01	Lịch sử và văn hóa Việt Nam	3	45	45	0			TO101D_Tổng quan DL và KS-NH	
356	TO209DE01	Tour Guiding: Profession and Practice	3	45	36	0	9		TO101D_Tổng quan DL và KS-NH; EIC5/EII4	
357	TO314DE01	Tour Operation	3	45	45	0			TO101D_Tổng quan DL và KS-NH; EIC5/EII4	
358	TO317DE01	Sustainable Tourism	3	45	45	0			- EIC5/EII4	
359	TO402DE01	Travel Management	3	45	45	0			- EIC6/EII5	
360	TO450DE01	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN; EIC6/EII5	
361	TO451DE01	Graduation Paper	9	0	0	0			Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN; EIC6/EII5	
362	TO456DE01	Start-up Project	9	0	0	0			EIC6/EII5	
363	TQ101DV02	Tiếng Trung 1	4	90	90	0			-	
364	TQ102DV03	Tiếng Trung 2	4	90	90	0			TQ101D_Tiếng Trung 1	
365	TQ103DV03	Tiếng Trung 3	4	90	90	0			TQ102D_Tiếng Trung 2	
366	TQ201DV05	Tiếng Trung 4	4	90	90	0			-	
367	TT106DV01	Cảm thụ nghệ thuật nghe nhìn	3	75	75	0			-	

368	TT206DV02	Nội dung phương tiện truyền thông nghe nhìn	3	75	75	0		MC101D_Nhập môn truyền thông đa phương tiện; TT106D_Cảm thụ nghệ thuật nghe nhìn	
369	TT207DV01	Kỹ thuật audio – video	3	75	36	39		TT205D_Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn	
370	TT208DV02	Lịch sử Điện ảnh	3	60	30	30		TT104D_Tổng quan về truyền thông	
371	TT216DV01	Văn hóa đại chúng châu Á	3	45	45	0		TT104D_Tổng quan về truyền thông	
372	TT301DV02	Nghiên cứu thị hiếu khán thính giả	3	45	45	0		TT104D_Tổng quan về truyền thông MK203D_Marketing căn bản	
373	TT309DE01	Media Project Management	3	60	56	0	4	TT104D_Tổng quan về truyền thông MK203D_Marketing căn bản ; EIC5/EII4	
374	TT405DV03	Sản xuất nâng cao	3	60	60	0		TT304D_Sản xuất quảng cáo TVC và New Media	
375	TT409DV01	Sản xuất chương trình nhiều camera	3	75	36	39		TT205D_Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn	
376	TT452DE01	Graduation Project	9	0	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN; EIC6/EII5	
377	TT452DV01	Đề án tốt nghiệp	9	0	0	0		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
378	BA301DV03	Đề án ngành Quản trị kinh doanh	3	0	0	0		MK203D_Marketing căn bản, KT204D_Nguyên lý kế toán, BA108D_Quản trị học và Đạo đức kinh doanh BA108D_Quản trị học và Đạo đức kinh doanh KT204D_Nguyên lý Kế toán	
379	DM308DV03	Đề án ngành Digital Marketing	3	0	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
380	EC309DV03	Đề án ngành Thương mại điện tử	3	0	0	0		EC201D_Thương mại điện tử	
381	HRM202DV03	Đề án ngành Quản trị nhân lực	3	0	0	0		HRM203D_Quản trị nhân sự	
382	IB304DV03	Đề án ngành Kinh doanh quốc tế	3	0	0	0		IB101D_Nhập môn Kinh doanh quốc tế	
383	IT308DV02	Đề án Chuyên ngành	3	0	0	0		IT206D_Phân tích thiết kế hướng đối tượng	
384	LG314DE01	Sea Transport (FIATA)	3	45	45	0		LG305D_Vận tải quốc tế; EIC5/EII4	
385	LG322DV02	Đề án ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	3	0	0	0		LG206D_Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng MK203D_Marketing căn bản IB101D_Nhập môn Kinh doanh quốc tế BA104D_Quản trị học	
386	MK328DV01	Đề án doanh nghiệp	3	0	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
387	PR308DV02	Đề án: Sản xuất sản phẩm truyền thông cho hoạt động PR	3	0	0	0		PR203D_Sản xuất tin tức và phóng sự	
388	PSY212DV01	Đề án Nghiên cứu	3	0	0	0		-	
389	TC433DV01	Đề án “Behind the data”	3	0	0	0		TC202D_Tài chính doanh nghiệp hoặc KT204D_Nguyên lý kế toán	
390	TO304DV02	Quản lý dự án DL-NH-KS-SK	3	0	0	0		TO101D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
391	TT306DV03	Đề án: Quản lý Sản xuất Sản phẩm Truyền thông Nghe nhìn	3	45	45	0	0	TT302D_Sản xuất Chương trình giải trí Truyền hình, hoặc TT303D_Sản xuất Phim truyện, hoặc TT304D_Sản xuất quảng cáo TVC và New Media, hoặc TT308D_Sản xuất chương trình giải trí Phát thanh	
392	TT403DV04	Kế hoạch kinh doanh sản phẩm truyền thông nghe nhìn	3	0	0	0		TT309D_Quản trị dự án truyền thông/TT320D_Quản trị truyền thông tích hợp	